

Bản án số: 102/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27 -7-2018

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Quốc Cường
2. Ông Nguyễn Văn Sum

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp BM, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Châu Văn C, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BM, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2017 cũng như tại phiên tòa, chị Lê Thị M trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Châu Văn C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 8 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã BBD, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Thời gian chung sống do không hợp nhau, vợ chồng thường hay cự cãi, mâu thuẫn kéo dài nên chị M và anh C đã ly thân từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Nay chị M yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị M và anh C có 04 người con chung tên Châu Tuyết B, sinh ngày 24/11/1999 (giới tính nữ); Châu Tuyết K, sinh ngày 09/9/2001 (giới tính nữ); Châu Tuyết N, sinh ngày 15/11/2005 (giới tính nữ) và Châu Lê P, sinh ngày 24/9/2010 (giới tính nam). Khi ly hôn con chung theo ai người đó nuôi dạy, nếu con chung theo chị M thì chị nuôi dạy nhưng không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện chị M và anh C chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị M yêu cầu ly hôn với anh C. Do đó, áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị M và anh C được ly hôn. Con chung là cháu Châu Tuyết B, sinh ngày 24/11/1999 đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét; đối với các cháu Châu Tuyết K, Châu Tuyết N và Châu Lê P có yêu cầu được ở với chị M nên cần giao chị M tiếp tục nuôi dạy là có cơ sở. Chị M không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Tài sản chung chị M và anh C tự thỏa thuận nên không có yêu cầu xét, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Châu Văn C. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh C có hộ khẩu tại ấp Bình Minh, xã BBD, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tổng đạt hợp lệ cho anh C nhưng anh C không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của chị M và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho anh C nhưng anh C vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Lê Thị M và ông Châu Văn C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BBD, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/8/2007. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị M cho rằng thời gian chung sống giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc nên chị M yêu cầu ly hôn với anh C. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để chị M và anh C có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh C vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Lê Thị M và anh Châu Văn C được ly hôn là có cơ sở.

[4] Về con chung: Chị M và anh C có 04 người con chung tên Châu Tuyết B, sinh ngày 24/11/1999 (giới tính nữ), Châu Tuyết K, sinh ngày 09/9/2001 (giới tính nữ), Châu Tuyết N, sinh ngày 15/11/2005 (giới tính nữ) và Châu Lê P, sinh ngày 24/9/2010 (giới tính nam). Xét thấy, cháu Châu Tuyết B đã trưởng thành nên theo ai người đó nuôi dạy Hội đồng xét xử không xem xét; Đối với cháu Châu Tuyết K, Châu Tuyết N và Châu Lê P chưa đủ 18 tuổi, tại bản tự khai ngày 05/10/2018 các cháu cùng có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị Lê Thị M, đây là ý kiến và sự tự nguyện của các cháu. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý cho anh C biết việc chị M

có yêu cầu ly hôn nhưng anh C không có ý kiến gì về việc nuôi dạy con chung. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu Châu Tuyết K, Châu Tuyết N và Châu Lê P cho chị M nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình. Anh C không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị M xác định tài sản chung chị và anh M tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị M xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận tính đến thời điểm hiện tại vợ chồng chị M và anh C không bị ai thừa kiện về nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị M phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, 59, 81, 82 và Điều 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Châu Văn C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Châu Tuyết K, sinh ngày 09/9/2001 (giới tính nữ), Châu Tuyết N, sinh ngày 15/11/2005 (giới tính nữ) và Châu Lê P, sinh ngày 24/9/2010 (giới tính nam) cho chị M nuôi dạy. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung chị M và anh C tự thỏa thuận; nợ chung Không có nên không xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị M phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 23 tháng 01 năm 2018 chị Lê Thị M có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0018995 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

- VKSND huyện Thới Bình;

- THADS huyện Thới Bình;

- UBND xã BBD;

- TAND tỉnh Cà Mau;

- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa